

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYỀN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lâm Thị Tám

Bà Lý Thị Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 385/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-DS ngày 05/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Số ..., ấp T, xã T, huyện M, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông Trần Tấn T, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số ..., ấp T, xã T, huyện M, tỉnh S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2020, biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2021 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị E trình bày như sau:*

Bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T xây dựng hôn nhân vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, bà Nguyễn Thị E và

ông Trần Tấn T có ba người con chung là Trần Minh T, sinh ngày 23/7/1991, Trần Minh N, sinh ngày 04/12/1996 và cháu Trần Minh T, sinh ngày 24/9/2002. Hiện đã trưởng thành. Trong thời gian chung sống giữa bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã với nhau do bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T tính tình không hòa hợp. Hơn nữa, ông Trần Tấn T thường xuyên ghen tuông, đánh đập bà Nguyễn Thị E nhiều lần nên dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên bà Nguyễn Thị E yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Trần Tấn T. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E thì ông Trần Tấn T đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập ông Trần Tấn T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Trần Tấn T không đến Tòa án mà vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử và cũng không có văn bản gởi cho Tòa án biết về ý kiến yêu cầu của ông Trần Tấn T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị E cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T là vợ chồng. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết. Đương sự chịu án phí theo qui định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình đối với ông Trần Tấn T và ông Trần Tấn T cư trú tại

số, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh S nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Tấn T đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải hai lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông Trần Tấn T, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Tấn T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Tấn T.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T chung sống với nhau năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T là vợ chồng

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T có ba người con chung là Trần Minh T, sinh ngày 23/7/1991, Trần Minh N, sinh ngày 04/12/1996 và Trần Minh T, sinh ngày 24/9/2002. Hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị E xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết và ông Trần Tấn T cũng không thể hiện có tranh chấp về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị E xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết và ông Trần Tấn T cũng không thể hiện có tranh chấp về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị E phải chịu án phí theo qui định pháp luật là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Các quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị E và ông Trần Tấn T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị E xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị E xác định không có nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị E chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí của bà Nguyễn Thị E được trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị E nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007446 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Nguyễn Thị E đã thực hiện xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhiệm**

